TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG ********	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày 09-02-2023
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Trương Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đinh Quang Tuyến**

Bà Nguyễn Thị Thu Ba

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Hiền Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Cao Thị Nhung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 233/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp: "*Đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS ngày 11-01-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Kim T, sinh năm 1995

Địa chỉ: P-C đường C, phường A, Tp ., tỉnhKiênGiang

2. Đồng bị đơn: Bà NguyễnThị Ngọc Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: B-Lô A, Đường số I, Khu L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Ông Cao Hoàng D, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Dương Đông, Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

3.1. Anh Phan Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: P6-Căn 48, Đường 3/2, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

3.2. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1973

3.3. Bà Lê Thị S, sinh năm 1974

3.4. Bà Huỳnh Kim O, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

(Chị T, ông D, bà O có mặt. Ông T1, bà S, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét xử vắng mặt bà Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09-6-2022, quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn chị Huỳnh Kim T trình bày:*** Ngày 23/12/2020, ông D và bà Q có chuyển nhượng cho chị T 01 căn nhà gắn liền với đất tại khu đô thị P, thành phố R với giá là 2.800.000.000đ (hai tỷ tám trăm triệu đồng), thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản. Qua nhiều lần chị T cùng vợ chồng ông Huỳnh Văn T1, bà Lê Thị S là cha mẹ ruột và bà Huỳnh Kim O là cô ruột giao nhiều lần tiền, vàng tổng cộng là 2.049.000.000đ (hai tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng) trong đó tiền là 1.620.000.000đ, có giao 01 lượng vàng SJC (loại vàng miếng 9999) cộng với 74.000.000đ tiền nợ mua cá cho T2 làm nhà (68.000.000đ nợ chị T, còn số tiền 6.000.000đ nợ của bà O). Chị T đã giao xong tiền nhưng ông D, bà Q vẫn không giao nhà, đất như thỏa thuận. Ông D, bà Q có ký biên nhận nợ số tiền trên, bà Q tự ghi tên là Nguyễn Thị D1, cam kết đến ngày 28/4/2021 sẽ trả đủ tiền cho chị T nhưng không thực hiện.

Nay chị Huỳnh Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc giải quyết buộc ông Cao Hoàng D, bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 trả số tiền 2.049.000.000đ (hai tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa chị Huỳnh Kim T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Xin rút lại số tiền là 306.000.000đ (ba trăm lẻ sáu triệu đồng), đây là khoản tiền của bà Huỳnh Kim O giao cho ông D, bà Q1 và có ký biên nhận nợ với bà O. Chị T vay không lãi của bà O, nhờ bà O giao cho ông D, bà Q1 nhằm mục đích để tính vào tiền chuyển nhượng nhà đất, nhưng ông D, bà Q1 không đồng ý trả cho chị T.

Nay chỉ yêu cầu ông Cao Hoàng D cùng bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 hoàn trả 1.620.000.000đ + 68.000.000đ (tiền cá, hải sản) = 1.688.000.000đ và 01 lượng vàng SJC loại vàng miếng 24k, 9999.

(Anh Phan Văn L là chồng của chị T, thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của chị T)

**** Bị đơn ông Cao Hoàng D trình bày:*** Ông D và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 (Diệp) không phải là vợ chồng, ông D là cậu họ của chị T, không thừa nhận có cùng với bà Q1 thỏa thuận chuyển nhượng nhà, đất cho chị T như chị T trình bày. Thừa nhận chị T có 02 lần chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M cho ông D số tiền là 395.000.000đ (ba trăm chín mươi lăm triệu đồng). Nhưng không phải ông D vay mượn mà do bà Q1 thỏa thuận vay tiền chị T như thế nào thì ông D không biết, ông D cho bà Q1 mượn tài khoản để chị T chuyển tiền, bà Q1 tự rút ra và chi tiêu cá nhân.

Theo biên nhận nợ không đề ngày tháng năm, ông D thừa nhận có ký tên với bà Q1 là để xác nhận nội dung vay tiền giữa bà Q1 với chị T, không liên quan gì đến ông D. Khi ký ông D không xem nội dung và ông D, bà Q1 ký trong trường hợp bên chị T dùng dân xã hội đen cưỡng ép, ép buộc ký. Nay chị T khởi kiện buộc ông D, bà Q1 trả lại 1.688.000.000đ và 01 lượng vàng SJC loại vàng miếng 24k, 9999 thì ông D không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông D trình bày: Không thừa nhận có xác lập giao dịch bán nhà, đất cho chị T. Xác định việc ký biên nhận nợ có ông Dương Quốc H Trưởng ấp X A chứng kiến, theo lời khai bà Q1 tại Công an huyện A vào ngày 28-3-2021 là đúng. Thừa nhận có cùng bà Q1 ký biên nhận nợ số tiền trên cho chị T và bà O nhưng bị ép buộc và không thừa nhận có sử dụng tiền, chịu trách nhiệm trả tiền, vàng theo yêu cầu chị T. Chỉ đồng ý liên đới với bà Q1 trả số tiền 350.000.000đ theo Giấy ủy nhiệm chi của Ngân hàng M1 vào ngày 23-12-2020. Đối với khoản tiền 306.000.000đ của bà O tự giải quyết với bà O, không đồng ý trả cho chị T. Ông D không khai nại thêm tình tiết mới, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 trình bày:*** Bà Q1 không thừa nhận có nợ chị T tổng số tiền 2.049.000.000đ như chị T trình bày. Thừa nhận có nợ tiền mua hải sản là 74.000.000đ và khoản tiền bà Q1 nhờ chuyển vào tài khoản của ông D 02 lần, lần thứ nhất là 45.000.000đ, lần thứ hai là 350.000.000đ, ngoài ra không nhận bất cứ khoản tiền nào khác của vợ chồng chị T. Khoản tiền 350.000.000đ là tiền làm ăn bà Nguyễn Thị S1, bà S1 kêu chị T chuyển vào tài khoản ông D để trả nợ cho bà Q1. Tổng cộng bà Q1 có nợ vợ chồng T là 119.000.000đ (một trăm mười chín triệu đồng). Theo 03 biên nhận chị T cung cấp, bà Q1 không thừa

nhận vì bà Q1 và ông D bị ép buộc viết, ký.

Nay bà Q1 yêu cầu cụ thể: Không đồng ý theo đơn kiện của chị T về việc buộc ông D, bà Q1 trả số tiền 2.049.000.000đ. Bà Q1 chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 119.000.000đ và khoản tiền 350.000.000đ, tổng cộng là 469.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà Q1 vắng mặt nên không có lời trình bày, không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S, ông Huỳnh Văn T1 trình bày:*** Chị T là con ruột, ông D có quan hệ là con bạn dì ruột với bà S. Đầu năm 2020, chị T nói với bà S là ông D có nhà đất tại Khu L, thành phố R có ý định bán với giá 2.800.000.000đ. Vợ chồng bà S đồng ý cho chị T một phần tiền để mua. Qua nhiều lần giao tiền, vàng số tiền chị T đã giao cho ông D, bà Q1 là 2.049.000.000đ.

Bà Q1, ông D cho rằng việc viết biên nhận nợ do bị ép là không đúng, ông D, bà Q1 viết biên nhận là tự nguyện, không bị cưỡng ép, ép buộc. Khi bà Q1 viết biên nhận nợ có ông Dương Quốc H là Trưởng ấp X ký tên chứng kiến việc lập, ký biên nhận. Số tiền bà S đưa cho chị T để đưa cho ông D, bà Q1, nếu có tranh chấp phát sinh thì vợ chồng bà S thống nhất giao cho chị T toàn quyền định đoạt.

**** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim O trình bày:*** Trong số tiền 2.049.000.000đ chị T khởi kiện bà Q1, ông D, có 306.000.000đ bà O đưa cho chị T mượn vì nghe ông D, bà Q1 nói bán nhà cho chị T. Bà O có chuyển khoản nhiều lần cho ông Cao Hoàng D và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1. Bà O và chị T đã thỏa thuận nếu có tranh chấp phát sinh thì chị T đại diện tự giải quyết với ông D, bà Q1.

Tại phiên tòa, bà O xác định có giao cho ông D, bà Q1 tổng số tiền 300.000.000đ và 6.000.0000đ tiền bán cá. Nay ông D, bà Q1 không đồng ý trả cho chị T thì bà O sẽ khởi kiện ông D, bà Q1 đối với số tiền 306.000.000đ thành vụ kiện khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Kim T buộc bà Q1, ông D trả cho chị T số tiền 1.688.000.000đ (một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng) và 01 lượng vàng SJC. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi

kiện của chị T về việc buộc bà Q1, ông D trả số tiền 306.000.000đ (ba trăm lẻ sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Kim T cho rằng có thỏa thuận bằng lời nói để xác lập giao dịch nhận chuyển nhượng nhà đất với ông Cao Hoàng D, bà Nguyễn Thị Ngọc Q1, ông D, bà Q1 không thừa nhận. Chị T không có chứng cứ để chứng minh, chị T kiện yêu cầu ông D, bà Q1 trả tiền, vàng và tiền mua bán cá theo các biên nhận nợ. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán" là phù hợp theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 là đồng bị đơn, được Tòa án tống đạt hợp lệ thủ tục xét xử nhưng vắng mặt lần 02 không rõ lý do. Ông Huỳnh Văn T1, bà Lê Thị S, anh Phan Văn L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông T1, bà S, bà O, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim T HĐXX thấy rằng, chị T xác định có thỏa thuận bằng lời nói với ông Cao Hoàng D, bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 để xác lập giao dịch mua bán nhà, đất tại Khu L, thành phố R với giá 2.800.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ kiện ông D, bà Q1 không thừa nhận, chị T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xác định giữa các bên xác lập hợp đồng dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở.

Đối với ông D chỉ thừa nhận 02 lần chị T chuyển vào khoản số tiền 395.000.000đ, nại rằng ông D cho bà Q1 mượn tài khoản để chị T chuyển tiền, bà Q1 tự rút ra và chi tiêu cá nhân, ông D không liên quan. Theo biên nhận nợ chị T cung cấp, ông D thừa nhận có ký tên với bà Q1 là để xác nhận nội dung vay tiền giữa bà Q1 với chị T, không thừa nhận nợ và bị cưỡng ép, ép buộc ký. Nên chị T khởi kiện buộc ông D, bà Q1 trả lại 1.688.000.000đ và 01 lượng vàng SJC (loại vàng miếng 9999)

ông D chỉ đồng ý liên đới với bà Q1 trả 350.000.000đ. Đối với khoản tiền của bà O thì giữa các bên tự giải quyết, không đồng ý trả cho chị T.

Đối với chị Q1 chỉ thừa nhận khoản tiền mua cá, hải sản 74.000.000đ cộng với khoản tiền khác tổng cộng là 469.000.000đ, không thừa nhận toàn bộ số tiền nợ 2.049.000.000đ. Theo các biên nhận nợ chị T cung cấp, bà Q1 thừa nhận chữ viết, chữ ký nhưng khai nại bị ép buộc viết, ký.

[2.1] Xét lời khai nại của ông D, bà Q1 HĐXX thấy rằng; Theo biên nhận nợ (BL 48) ông D, bà Q1 đều không thừa nhận có nợ. Nhưng thừa nhận chữ viết do bà Q1 viết và ông D, bà Q1 đều ký xác nhận và cho rằng việc viết, ký biên nhận trong trường hợp bị cưỡng ép, ép buộc nhưng đây chỉ là lời khai, không có chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xác định biên nhận trên ông D, bà Q1 viết, ký là không tự nguyện. Theo lời khai ông Dương Quốc H Trưởng ấp X là những người trực tiếp chứng kiến việc bà Q1, ông D tự viết và ký biên nhận nợ xác định việc ông D, bà Q1 lập biên nhận nợ trên là tự nguyện, không ai ép buộc, cưỡng ép viết và ký như ông D, bà Q1 trình bày. Mặt khác, theo lời khai của bà Q1 tại Công an huyện A thể hiện *"... thừa nhận có nhận tổng cộng 13 lần tiền với tổng số tiền 1.600.000.000đ và 01 lượng vàng SJC...vào sáng ngày 28-3-2021 có liên hệ với chị T, xuống nhà chị T làm giấy nhận nợ, đến nhà không gặp T mà gặp ông T1, bà S nên tôi và anh D làm giấy nhận nợ cho vợ chồng anh T1, chị S. Do làm giấy nhận nợ không đúng tên trong giấy tờ, ghi là Nguyễn Thị D1 nên anh T1 không cho tôi về, gọi báo cho Công an xã T và Công an huyện A..."*.

[2.2] Như vậy, lời trình bày của chị T xác định ông D, bà Q1 có nhiều lần nhận tiền của chị T và ông T1, bà S tổng cộng 1.620.000.000đ và nợ tiền cá 68.000.000đ cộng với 01 lượng vàng SJC, hẹn đến ngày 28-4-2021 trả đủ là hoàn toàn phù hợp với biên nhận nợ ông D, bà Q1 đã ký xác nhận. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để xác định, việc bà Q1, ông D viết biên nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

[2.3] Chị T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Q1, ông D trả số tiền nợ là 306.000.000đ (ba trăm lẻ sáu triệu đồng), xác định đây là khoản nợ của bà O với ông D, bà Q1. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là tự nguyện phù hợp theo quy tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này. Bà Huỳnh Kim O có quyền khởi kiện ông D, bà Q1 thành vụ kiện khác.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX bác toàn bộ lời khai nại của ông Cao Hoàng D, bà Nguyễn Thị Ngọc Q1, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim T và ý kiến đề nghị của vị đại diệnViện kiểm sát, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 và ông Cao Hoàng D có nghĩa vụ liên đới để hoàn trả cho chị Huỳnh Kim T số tiền là 1.620.000.000đ + 68.000.000đ (tiền cá) = 1.688.000.000đ và 01 cây vàng SJC loại vàng 24k, 9999 là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim T khởi kiện được Tòa chấp nhận nên không phải chịu án phí. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.490.000 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007636 ngày 29/6/2022. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 và ông Cao Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính như sau: 1.688.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC (quy đổi vào ngày 09-02-2023 = 66.550.000đ) = 36.000.000đ + (954.550.000đ x 3%) = 64.636.000đ (sáu mươi tư triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 40; Điều 147; Điều 228; Điều 244 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 166; 280; 288; 369; 430 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim T về việc đòi lại tài sản và trả tiền mua bán cá (Hải sản) đối với ông Cao Hoàng D và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1.

2- Buộc ông Cao Hoàng D và bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 cùng liên đới trả cho chị Huỳnh Kim T số tiền 1.688.000.000đ (một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng) và 01 cây vàng SJC loại vàng 24k, 9999.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian

chưa thi hành án.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim T đòi ông Cao Hoàng D, bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 trả số tiền 306.000.000 đồng (ba trăm lẻ sáu triệu đồng). Bà Huỳnh Kim O có quyền khởi kiện ông D, bà Q1 thành vụ kiện khác.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim T nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.490.000 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007636 ngày 29/6/2022.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Q1 và ông Cao Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 64.636.000đ (sáu mươi tư triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

4- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Văn Kiệt

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND Tp. Phú Quốc;*
- *T.H.A DS Tp. Phú Quốc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*